

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/HS-ST
Ngày: 23-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh

Bà Trần Thị Mộng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Mai Thị Thiên Lộc.

Ngày 23 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 160/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 về tội “Cướp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Anh T, Giới tính: Nam; Giấy khai sinh ghi ngày 05/8/2005, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Cha: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1985; Nghề nghiệp: Không rõ. Mẹ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984; Nghề nghiệp: Không. Bị cáo là con út trong gia đình có hai anh em. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 08/4/2023, bị cáo bị bắt tạm giam, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 38/LB-ĐTTH ngày 08/4/2023 của Cơ quan CSĐT Công an huyện L. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T: Ông Trần Anh D, sinh năm 1985 – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.

Bị hại: Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2000; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Kim L, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người chứng kiến: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Nguyễn Anh T là bạn bè ngoài xã hội. Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 20/03/2023, trong lúc đang ăn bánh canh tại khu vực Chợ L2, thị trấn L, huyện L, anh P kể cho T nghe anh P mới được gia đình cho tiền để tiêu xài.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ đen, BKS 72H1-155.36 của anh P chở anh P, Lê Văn H1, sinh năm 1999; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (là bạn của T) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo (chưa rõ biển kiểm soát) cùng đi qua thành phố V chơi. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, cả ba đi về lại P vào quán cà phê Vườn D1 của chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1980 làm chủ thuộc ấp P, xã P để ngủ. Trước khi đến quán, H1 cất xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo (chưa rõ nơi cất xe). Khi cả 03 đi vào chòi số 03, lúc này T rủ H1 ra ngoài chòi nói chuyện, T nói cho H1 biết anh P có nhiều tiền nên rủ H1 dùng hung khí không chế để chiếm đoạt tiền của anh P, Hòa đồng ý. Để thực hiện ý định, H1 đi qua chòi số 02 lấy hai con dao dùng để chặt dừa của quán đưa cho T rồi cả hai quay lại chòi số 03, anh P lúc này đang ngồi trên võng. T cầm một con dao đập mặt dao vào đùi anh P, dùng sóng dao còn lại đưa vào cổ anh P và yêu cầu anh P đứng lên làm cho anh P hoảng sợ đứng im không dám chống cự, H1 đi đến kiểm tra người của anh P lấy một cái bóp ở trong túi áo khoác và lấy số tiền 2.600.000 đồng trong bóp, 01 căn cước công dân, giấy phép lái xe của anh P, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 72H1-155.36 rồi ném cái bóp của anh P lại trong chòi.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền của anh P, T kêu H1 điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 của anh P chở anh P và T về nhà T ngủ. Khi đi ra gần đến cổng quán cà phê, T thấy anh P sợ không đi nên dùng nón bảo hiểm đánh anh P một cái vào mặt và nói với anh P là đi về nhà T để ngủ nên anh P đồng ý lên xe. Sau đó, H1 điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 chở anh P và T đến nhà T để ngủ nhưng khi đến thì nhà đã đóng cửa nên cả ba quay lại quán C. Lúc này, H1 và T kêu anh P vào chòi số 02 ngủ rồi H1 điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 chở T tiếp tục qua thành phố V chơi và tiêu xài hết số tiền 2.600.000 đồng vừa chiếm đoạt được của anh P.

Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 21/3/2023, H1 và T quay lại quán C. Tại đây, H1 đưa cho T căn cước công dân và giấy phép lái xe của anh P, T điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 chở anh P đến tiệm Internet thuộc thị trấn L, huyện L và để anh P ở lại tiệm chơi game rồi T điều khiển xe mô tô của anh P về nhà T thuộc ấp L, xã P, huyện L để ngủ. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, bà Lê Thị L1, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (là mẹ của anh P) không thấy anh P về nhà nên đi tìm. Khi thấy anh P tại tiệm Internet, chị L1 hỏi anh P xe mô tô BKS 72H1-155.36 đâu, do anh P nói cho T mượn nên chị L1 và anh P đến nhà của T lấy lại chiếc xe mô tô, căn cước công dân, giấy phép lái xe của anh P. Lúc này, anh P chưa nói cho chị L1 biết sự việc anh P bị T và H1 sử dụng hung khí khống chế chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22/03/2023, anh P đi xin việc làm nhưng không được nên điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 đến nhà T thuộc ấp L, xã P, huyện L chơi cùng với anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2002 (là anh ruột của T) và V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của T. Khi anh P đang ngồi chơi tại nhà T thì thấy T và H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo của H1 về nhà của T ăn cơm. Lúc này, do có ý định muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 72H1-155.36 của anh P nên H1 đi đến chỗ anh P đang ngồi nói với anh P là mượn chiếc xe mô tô trên của anh P để đẩy chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Nouvo của H1 đi đổ xăng. Khi nghe H1 nói vậy, T biết xe của H1 còn nhiều xăng, H1 nói dối với P là có ý định chiếm đoạt chiếc xe anh P. Sau khi anh P đưa chìa khóa xe, T điều khiển xe mô tô BKS 72H1-155.36 của anh P còn H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo đi đến quán C. Tại đây, T và H1 thống nhất với nhau đi cầm chiếc xe mô tô BKS 72H1-155.36 của anh P để lấy tiền tiêu xài. Tuy nhiên, do không có căn cước công dân nên H1 và T đi đến nhà của anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để nhờ anh T2 đi cầm giùm chiếc xe mô tô BKS 72H1-155.36 của anh P. Do H1 nói xe là của chị gái H1 nên anh T2 đồng ý và cả ba đi đến tiệm C1 thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L của anh Hoàng Kim L, sinh năm 1971 để cầm chiếc xe mô tô BKS 72H1-155.36, anh T2 và H1 trực tiếp vào tiệm cầm đồ, còn T ở bên ngoài. Tại đây, anh T2 đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 72H1-155.36 và căn cước công dân của anh T2 cho anh L xem và nói xe của anh T2 nên anh L đã đồng ý nhận cầm chiếc xe với số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, anh T2 đưa tiền cho H1 rồi chở H1 và T về lại quán C.

Sau khi cho H1 và T mượn xe chờ lâu không thấy trả đến ngày 03/4/2023, anh Nguyễn Hoàng P đến Công an xã P, huyện L trình báo sự việc. Qua làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 3374/KLGĐĐT-C09B ngày 29/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C2 tại TP Hồ Chí Minh kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 05 năm 2023) Nguyễn Anh T có độ tuổi là 17 năm 10 tháng đến 18 năm 04 tháng (tính tại thời điểm phạm tội bị can T được 17 tuổi 7 tháng 15 ngày).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐDGTS ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 72H1-155.36, số khung:

C66113734, đã qua sử dụng (đăng ký lần đầu ngày 22/10/2015) trị giá 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo kết quả xác minh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh B cung cấp về bệnh lý của anh Nguyễn Hoàng P: Từ kết quả siêu âm Doppler xuyên sọ ngày 17/4/2023 của anh P thì anh P không bị bệnh tâm thần và cũng không ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, hành vi của mình. Đồng thời, theo chuẩn đoán Hội chứng động mạch sống nền của anh P thì anh P cũng không bị rối loạn tâm thần và không ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 02 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ (01 con dao dài 36cm, rộng 7cm; 01 con dao dài 34cm rộng 09cm) đã qua sử dụng. Hiện đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền quản lý, chờ xử lý.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen BKS 72H1-155.36; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002127, BKS 72H1-155.36 do Lý Minh T3 đứng tên làm chủ sở hữu. Qua xác minh xác định, vào khoảng tháng 6/2022 anh T3 bán lại cho Cửa hàng xe máy Trung Nghĩa. Ngày 30/11/2022 chị Lê Thị L1 đã mua lại chiếc xe trên cho P làm phương tiện đi lại. Ngày 20/7/2023, cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trao trả chiếc xe trên cho anh Nguyễn Hoàng P.

- Đối với 01 căn cước công dân số 077096003957 tên Nguyễn Ngọc T2, ngày 21/7/2023, cơ quan đã trao trả lại cho anh T2.

- 01 giấy cầm đồ xe mô tô BKS 72H1-155.36 hiện lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt, anh P không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền 2.600.000 đồng, anh P yêu cầu Hòa và T bồi thường số tiền mà H1 và T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của anh P trong ngày 20/3/2023. Vào ngày 31/7/2023, bà Nguyễn Thị Thanh H là mẹ ruột của T đã bồi thường thiệt hại số tiền 1.300.000 đồng để khắc phục hậu quả do T gây ra, anh P nhận tiền và tiếp tục yêu cầu H1 bồi thường số tiền còn lại là 1.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 158/CT-VKSLĐ, ngày 05-9-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Long Điền để xét xử bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với Nguyễn Anh T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với Nguyễn Anh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt đối với hai tội trên, đề nghị mức hình phạt chung từ 06 năm đến 06 năm 09 tháng tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự, Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T1 02 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ (01 con dao dài 36cm, rộng 7cm; 01 con dao dài 34cm rộng 09cm) đã qua sử dụng. Đây là công cụ T lấy dùng để đe dọa anh P cướp tài sản mà T đã tự ý lấy trong quán của chị T1, chị T1 có yêu cầu được nhận lại.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Anh T về việc tiếp tục bồi thường cho anh P số tiền còn lại là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất so với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát do bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức cũng thấp, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo đang bị bệnh.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là đúng theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, không dám tái phạm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/3/2023, tại chòi số 03 quán C thuộc ấp P, xã P, huyện L, Nguyễn Anh T và Lê Văn H1 đã có hành vi dùng dao bằng kim loại, cán bằng gỗ (01 con dao dài 36cm, rộng 7cm; 01 con dao dài 34cm rộng 09cm) khống chế yêu cầu anh Nguyễn Hoàng P đứng lên và lục soát chiếm đoạt số tiền 2.600.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Tiếp đến, vào ngày 22/3/2023, tại nhà của anh Nguyễn Anh Đ thuộc ấp L, xã P, huyện L, Nguyễn Anh T và Lê Văn H1 đã có hành vi lừa đảo bằng cách đưa ra thông tin gian dối xe hết xăng cho anh Nguyễn Hoàng P tin thật đồng ý cho H1 và T mượn

chiếc xe mô tô BKS 72H1-155.36 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu đỏ đen với giá trị đã định là 8.500.000 đồng để H1 và T đẩy xe đi đỗ xăng. Sau khi chiếm đoạt được xe H1 và T đem đi cầm cố lấy số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bồi thường thiệt hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại điều 91 và 101 bộ luật hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về vật chứng trong vụ án:

02 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ (01 con dao dài 36cm, rộng 7cm; 01 con dao dài 34cm rộng 09cm) đã qua sử dụng. Đây là công cụ T dùng để đe dọa anh P cướp tài sản mà T đã tự ý lấy trong quán của chị Nguyễn Thị Thu T1, chị T1 có yêu cầu được nhận lại nên cần trả lại cho chị T1.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền còn lại mà bị cáo cùng với H1 chiếm đoạt của bị hại, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền thiệt hại còn lại là 1.300.000 đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 91, 101, 54, 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **05 (năm) năm** tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 91, 101, 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T **06 (sáu) tháng** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 tổng hợp hình phạt đối với hai tội trên, Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**; thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 08-4-2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 bộ luật dân sự, bị cáo Nguyễn Anh T đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Hoàng P số tiền là 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng)

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T1 02 con dao bằng kim loại, cán bằng gỗ (01 con dao dài 36cm, rộng 7cm; 01 con dao dài 34cm rộng 09cm) đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền theo biên bản giao nhận vật chứng số 148/BB-CCTHADS ngày 05-9-2023)

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23-9-2023), bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BRVT;
- Công an tỉnh BRVT (PV06, PC10);
- VKS huyện Long Điền;
- CA huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Điền
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thu Hiền